BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: SVĐ1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	Nữ	01				
2	000002	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	Nam	01				
3	000003	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	Nữ	01				
4	000004	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	Nam	01				
5	000005	1001010764	Lý Huỳnh	Đức	04/05/2004	NH10A	Nam	01				HP,ĐK
6	000006	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH10A	Nam	01				
7	000007	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	Nữ	01				HP
8	000008	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	Nam	01				
9	000009	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	Nữ	01				
10	000010	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	Nữ	01				
11	000011	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	Nữ	01				
12	000012	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	Nam	01				
13	000013	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	Nam	01				
14	000014	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	Nữ	01				
15	000015	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	Nữ	01				
16	000016	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	Nữ	01				
17	000017	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	Nam	01				HP
18	000018	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	Nam	01				
19	000019	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	Nữ	01				
20	000020	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	Nữ	01				
21	000021	1001010837	Trần Văn	Nhân	15/10/2004	NH10A	Nam	01				HP,ĐK
22	000022	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	Nữ	01				
23	000023	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	Nữ	01				
24	000024	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	Nữ	01				HP
25	000025	1001010853	Trần Thị Như	Quỳnh	12/08/2004	NH10A	Nữ	01				HP,ĐK
26	000026	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	Nữ	01				
27	000027	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	Nam	01				
28	000028	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	Nam	01				
29	000029	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	Nam	01				HP
30	000030	1001010297	Lê Long	Thuỷ	15/10/2000	NH10A	Nam	01				
31	000031	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	Nam	01				
32	000032	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	Nam	01				

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
33	000033	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	Nam	01				
34	000034	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	Nam	01				
35	000035	1001010887	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/03/2003	NH10A	Nam	01				
36	000036	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	Nữ	01				
37	000037	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	Nam	01				
38	000038	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	Nữ	01				HP

Tổng số sinh viên dự thi:…….

Tổng số tờ giấy thi:…….

Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: SVĐ2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000039	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	Nữ	03				
2	000040	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM10B	Nữ	03				
3	000041	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	Nữ	03				
4	000042	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	Nữ	03				
5	000043	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	Nam	03				
6	000044	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	Nữ	03				
7	000045	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	Nam	03				HP
8	000046	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	Nữ	03				
9	000047	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	Nam	03				
10	000048	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	Nữ	03				
11	000049	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	Nữ	03				
12	000050	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	Nam	03				HP,ĐK
13	000051	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	Nam	03				
14	000052	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	Nam	03				
15	000053	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	Nữ	03				
16	000054	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	Nam	03				
17	000055	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	Nam	03				
18	000056	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	Nữ	03				
19	000057	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	Nữ	03				
20	000058	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	Nam	03				
21	000059	1001030598	Dương Thị Thuỳ	Linh	06/01/2004	QM10B	Nữ	03				
22	000060	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	Nữ	03				
23	000061	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	Nữ	03				
24	000062	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	Nam	03				
25	000063	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	Nữ	03				
26	000064	1001030623	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	05/02/2004	QM10B	Nữ	03				ĐK
27	000065	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	Nữ	03				
28	000066	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	Nữ	03				ĐK
29	000067	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	Nữ	03				
30	000068	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	Nữ	03				
31	000069	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	Nam	03				

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 3
Giảng đường: SVĐ1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000070	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	Nam	02				
2	000071	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	Nam	02				HP
3	000072	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	Nữ	02				
4	000073	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	Nữ	02				HP
5	000074	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	Nữ	02				
6	000075	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	Nữ	02				
7	000076	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	Nam	02				
8	000077	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	Nữ	02				
9	000078	1001030574	Phạm Đắc Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	Nam	02				HP,ĐK
10	000079	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	Nam	02				
11	000080	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	Nữ	02				HP
12	000081	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	Nữ	02				HP
13	000082	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	Nữ	02				
14	000083	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	Nam	02				
15	000084	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	Nữ	02				
16	000085	1001031270	Khúc Bá	Minh	28/01/2004	QM10A	Nam	02				HP
17	000086	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyện	10/09/2003	QM10A	Nam	02				
18	000087	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	Nữ	02				
19	000088	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	Nam	02				
20	000089	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	Nữ	02				
21	000090	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	Nữ	02				
22	000091	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	Nam	02				
23	000092	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	Nam	02				
24	000093	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	Nữ	02				
25	000094	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	Nữ	02				HP
26	000095	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	Nữ	02				
27	000096	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	Nữ	02				
28	000097	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	Nam	02				
29	000098	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	Nam	02				
30	000099	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	Nam	02				
31	000100	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	Nam	02				
32	000101	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	Nam	02				

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
33	000102	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	Nam	02				
34	000103	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	Nam	02				HP
35	000104	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	Nam	02				
36	000105	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	Nam	02				
37	000106	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	Nam	02				
38	000107	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	Nam	02				HP

Tổng số sinh viên dự thi:…….

Tổng số tờ giấy thi:…….

Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 4
Giảng đường: SVĐ2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000108	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	Nữ	04				
2	000109	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	Nam	04				
3	000110	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM10B	Nữ	04				ĐK
4	000111	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	Nữ	04				
5	000112	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	Nam	04				HP,ĐK
6	000113	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	Nữ	04				
7	000114	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	Nam	04				HP,ĐK
8	000115	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	Nam	04				
9	000116	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	Nam	04				
10	000117	1001030712	Trần Đức	Toàn	16/08/2004	QM10B	Nam	04				
11	000118	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	Nam	04				
12	000119	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	Nam	04				
13	000120	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	Nam	04				
14	000121	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	Nam	04				
15	000122	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM10B	Nam	04				ĐK
16	000123	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	Nữ	04				
17	000124	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	Nữ	04				
18	000125	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	Nữ	04				
19	000126	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	Nữ	04				ĐK
20	000127	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	Nữ	04				
21	000128	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	Nam	04				ĐK
22	000129	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	Nam	04				
23	000130	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	Nam	04				
24	000131	1001010772	Phạm Thùy	Dương	12/11/2004	TC10B	Nam	04				
25	000132	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	Nam	04				ĐK
26	000133	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	Nữ	04				
27	000134	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	Nam	04				
28	000135	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	Nữ	04				
29	000136	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	Nữ	04				
30	000137	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	Nữ	04				

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 5
Giảng đường: SVĐ1_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000138	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD10E	Nữ	05				ĐK
2	000139	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	Nữ	05				HP
3	000140	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	Nữ	05				
4	000141	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	Nữ	05				HP
5	000142	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	Nữ	05				
6	000143	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	Nữ	05				
7	000144	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	Nữ	05				
8	000145	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	Nam	05				
9	000146	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	Nữ	05				
10	000147	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD10E	Nam	05				HP,ĐK
11	000148	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	Nữ	05				HP
12	000149	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	Nữ	05				
13	000150	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	Nữ	05				
14	000151	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	Nữ	05				
15	000152	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	Nam	05				
16	000153	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD10E	Nữ	05				ĐK
17	000154	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	Nam	05				
18	000155	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	Nam	05				
19	000156	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	Nam	05				
20	000157	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	Nam	05				
21	000158	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	Nam	05				
22	000159	1001020312	Lưu Thị Thùy	Trang	03/08/2004	KD10E	Nam	05				
23	000160	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	Nam	05				
24	000161	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	Nam	05				
25	000162	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	Nam	05				

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 6
Giảng đường: SVĐ2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000163	1001020228	Đinh Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	Nữ	06				
2	000164	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	Nữ	06				
3	000165	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	Nữ	06				
4	000166	1001020248	Đinh Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	Nữ	06				
5	000167	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	Nữ	06				
6	000168	1001020260	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	KD10D	Nữ	06				
7	000169	1001021561	Hoàng Ngọc	Sơn	17/04/2004	KD10D	Nam	06				ĐK
8	000170	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	Nam	06				
9	000171	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	Nữ	06				
10	000172	1001020290	Phạm Thị	Thơm	19/02/2004	KD10D	Nam	06				
11	000173	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	Nam	06				ĐK
12	000174	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	Nam	06				
13	000175	1001021073	Lê Huyền	Trang	15/12/2004	KD10D	Nam	06				HP,ĐK
14	000176	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	Nam	06				
15	000177	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	Nam	06				
16	000178	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	Nam	06				
17	000179	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	Nam	06				
18	000180	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	Nữ	06				
19	000181	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	Nữ	06				
20	000182	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	Nữ	06				
21	000183	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	Nữ	06				
22	000184	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	Nữ	06				
23	000185	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	Nữ	06				
24	000186	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD10E	Nữ	06				HP,ĐK
25	000187	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD10E	Nam	06				HP
26	000188	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	Nữ	06				
27	000189	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	Nữ	06				HP
28	000190	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	Nữ	06				
29	000191	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	Nữ	06				
30	000192	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	Nữ	06				
31	000193	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	Nữ	06				ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …...

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7
Giảng đường: SVĐ3_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000194	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	Nam	07				
2	000195	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	KA10A	Nữ	07				
3	000196	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	Nữ	07				
4	000197	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	Nữ	07				
5	000198	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	Nữ	07				
6	000199	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	Nam	07				ĐK
7	000200	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	Nữ	07				
8	000201	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	Nữ	07				
9	000202	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	Nam	07				
10	000203	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	KA10A	Nữ	07				
11	000204	1001060365	Nguyễn Thanh	Huyền	02/10/2004	KA10A	Nữ	07				
12	000205	1001061429	Triệu Tài	Lương	23/09/2000	KA10A	Nam	07				
13	000206	1001060368	Nguyễn Thị Thanh	Minh	27/12/2004	KA10A	Nữ	07				
14	000207	1001060369	Vũ Đoàn Anh	Ngọc	19/12/2004	KA10A	Nam	07				
15	000208	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	Nam	07				
16	000209	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	Nam	07				
17	000210	1001060373	Nguyễn Thủy	Tiên	24/01/2004	KA10A	Nam	07				
18	000211	1001061431	Nguyễn Đức	Trường	16/10/2003	KA10A	Nam	07				
19	000212	1001061083	Cam Thảo	Vân	16/07/2004	KA10A	Nam	07				
20	000213	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	Nam	07				
21	000214	1001060381	Phạm Hoàng	Yến	18/07/2004	KA10A	Nam	07				
22	000215	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD10A	Nữ	07				
23	000216	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	Nữ	07				
24	000217	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	Nữ	07				HP
25	000218	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	Nữ	07				
26	000219	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	Nữ	07				HP
27	000220	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	Nam	07				
28	000221	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	Nữ	07				
29	000222	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	Nữ	07				HP
30	000223	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	Nữ	07				
31	000224	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	Nam	07				
32	000225	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	Nữ	07				
33	000226	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	Nữ	07				

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 8
Giảng đường: SVĐ1_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000227	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	Nữ	08				
2	000228	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	Nam	08				
3	000229	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	Nữ	08				
4	000230	1001020121	Hoàng Thu	Hiền	30/04/2004	KD10A	Nữ	08				
5	000231	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	Nữ	08				
6	000232	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	Nữ	08				
7	000233	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	Nữ	08				
8	000234	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	Nam	08				HP
9	000235	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	Nữ	08				
10	000236	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	Nữ	08				
11	000237	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	Nữ	08				
12	000238	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	Nữ	08				
13	000239	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	Nữ	08				ĐK
14	000240	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	Nữ	08				ĐK
15	000241	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	Nữ	08				
16	000242	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	Nữ	08				
17	000243	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	Nữ	08				HP
18	000244	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	Nữ	08				
19	000245	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	Nữ	08				
20	000246	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	Nữ	08				
21	000247	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	Nữ	08				HP
22	000248	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	Nữ	08				
23	000249	1001020250	Lương Thị Thu	Phương	25/11/2004	KD10A	Nữ	08				ĐK
24	000250	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	Nữ	08				
25	000251	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	Nữ	08				
26	000252	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	Nữ	08				
27	000253	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	Nữ	08				
28	000254	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	Nam	08				
29	000255	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	Nam	08				
30	000256	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	Nam	08				
31	000257	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	Nam	08				
32	000258	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	Nam	08				

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
33	000259	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	Nam	08				
34	000260	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	Nam	08				
35	000261	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	Nam	08				
36	000262	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	Nam	08				
37	000263	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	Nam	08				
38	000264	0810211707	Triệu Thị Phương	Linh	31/08/2002	KD8D	Nữ	08				

Tổng số sinh viên dự thi:…….

Tổng số tờ giấy thi:…….

Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9
Giảng đường: SVĐ2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

Học phần: Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Thành tích	Điểm thi	Ký nộp	Ghi chú
1	000265	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	Nữ	09				
2	000266	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	Nữ	09				
3	000267	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	Nữ	09				
4	000268	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	Nữ	09				
5	000269	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD10D	Nữ	09				
6	000270	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	Nam	09				ĐK
7	000271	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	Nam	09				
8	000272	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	Nữ	09				ĐK
9	000273	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	Nữ	09				
10	000274	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	Nữ	09				
11	000275	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	Nữ	09				
12	000276	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	Nữ	09				
13	000277	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	Nữ	09				
14	000278	1001020135	Lê Thị	Huế	26/01/2004	KD10D	Nữ	09				
15	000279	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	Nam	09				
16	000280	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	Nữ	09				
17	000281	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	Nam	09				
18	000282	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	Nữ	09				
19	000283	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	Nam	09				
20	000284	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	Nữ	09				
21	000285	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	Nữ	09				
22	000286	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	Nữ	09				
23	000287	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	Nữ	09				
24	000288	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	Nữ	09				
25	000289	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	Nữ	09				
26	000290	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	Nữ	09				
27	000291	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	Nữ	09				
28	000292	1001020199	Nguyễn Chiều	Minh	08/07/2004	KD10D	Nam	09				HP,ĐK
29	000293	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	Nữ	09				
30	000294	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	Nữ	09				

Tổng số sinh viên dự thi:…….
Tổng số tờ giấy thi:…….
Tổng số biên bản:……

Ngày …... tháng …. Năm …..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**